TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2020/QĐST - HNGĐ	*N, Ngày 04 tháng 8 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị H** – Sinh năm: 1989.

Địa chỉ*:* thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Vi Văn S** – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ*:* thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 27/7/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị H và anh Vi Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về hôn nhân:* Chị Lương Thị H và anh Vi Văn S đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2009, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã X, huyện T cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, xúc phạm nhau. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị H và anh S đều thống nhất thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Chị Lương Thị H và anh Vi Văn S đều có ý kiến chung thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 03 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Vi Hải Y - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 04/12/2009. Cháu thứ hai tên là Vi Thị Linh C – Giới tính nữ - Sinh ngày 11/8/2013. Cháu thứ ba tên là Vi Việt D – Giới tính Nam; Sinh ngày: 01/7/2019. Cả ba cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/07/2020 cháu Vi Hải Y có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu là chị Lương Thị H. Chị H và anh S đều có ý kiến thống nhất là: Giao cả ba cháu Vi Hải Y, Vi Thị Linh C, Vi Việt D cho chị Lương Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Hiện nay do Anh S điều kiện kinh tế rất khó khăn, không có thu nhập ổn định nên anh chị thống nhất chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Anh Vi Văn S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh S có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

** Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Chị Lương Thị H và anh Vi Văn S tự thỏa thuận nên chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

** Về án phí:* Chị Lương Thị H và anh Vi Văn S đều có ý kiến thống nhất: Chị H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm. Hiện chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu số AA/2017/0003461, ngày 05 tháng 02 năm 2020. Do đó Chị H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp; Anh S không phải nộp tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THA DS huyện N;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *UBND xã X, huyện T;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn